

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 6- 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bảo Hiên.

Ông Quách Văn Vệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp N xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 06 tháng 6 năm 2022 chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Võ Văn T kết hôn với nhau năm 2000, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng

quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm thương yêu chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài mặc dù đã hàn gắn tuy nhiên không mang lại kết quả. Hiện nay chị và anh Võ Văn T đã sống ly thân với nhau, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn T. Về con chung: Chị và anh Võ Văn T có 03 người con chung tên Võ Văn N, sinh năm 2000; Võ Thanh H, sinh năm 2001 và Võ Thị Mỹ D, sinh năm 2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu, xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 17 tháng 6 năm 2022 anh Võ Văn T trình bày: Về hôn nhân như chị N trình bày là đúng, hiện nay hôn nhân không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn cùng chị Nguyễn Thị N. Về con chung: có 03 người con chung tên Võ Văn N, sinh năm 2000; Võ Thanh H, sinh năm 2001 và Võ Thị Mỹ D, sinh năm 2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu, xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xác định hiện nay vì điều kiện công việc nên anh đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Nguyễn Thị N có mặt vẫn bảo lưu quan điểm, ý kiến trình bày. Anh Võ Văn T vắng mặt không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Võ Văn T Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Võ Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Võ Văn T tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do

bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay chị N và anh T đã sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị N có mặt vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Tại đơn xin vắng mặt ngày 17 tháng 6 năm 2022 anh Võ Văn T xác định hôn nhân không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh T thực tế phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị thì cũng không thể đảm bảo mang lại hạnh phúc cho đôi bên. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N và anh Võ Văn T.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 03 người con chung tên Võ Văn N, sinh năm 2000; Võ Thanh H, sinh năm 2001 và Võ Thị Mỹ D, sinh năm 2003. Hiện nay các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị N phải nộp 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Võ Văn T tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Võ Văn T.

Về con chung: Hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thoả thuận không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020085 ngày 06/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- CCTHADS huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã V, huyện .
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

